

Số: **08** /2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **25** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ khoản 5 Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 840/TTr-SKHĐT ngày 14/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **04 / 02 / 2022** và thay thế Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 11/7/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại vụ, Nội vụ, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *Thư*

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, Ngoại giao;
- Vụ Pháp chế (Bộ KH&ĐT);
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBCT về các TCCP nước ngoài;
- UB MTTQVN tỉnh, ĐBQH tỉnh;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LH các TCHN tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT CNTT&TT (Sở TT&TT);
- TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph.c 70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ
phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài
dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2022/QĐ-UBND
ngày 25 /01/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo tại địa phương, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (*sau đây gọi tắt là viện trợ*) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh hoặc do UBND tỉnh ra quyết định thành lập, công nhận điều lệ hoặc cấp đăng ký kinh doanh được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

Việc quản lý và sử dụng khoản viện trợ tuân thủ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Điều 4. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 5. Lập hồ sơ; thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

a) Chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và gửi kèm theo văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

b) Trường hợp khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công: Hồ sơ bao gồm thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn có liên quan.

c) Trường hợp dự án viện trợ có cấu phần xây dựng: Hồ sơ bao gồm thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Xây dựng, các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định đối với khoản viện trợ do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ hợp lệ theo đúng quy định tới Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan để xin ý kiến; các cơ quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh để gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan; tổ chức thẩm định theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt khoản viện trợ.

c) Đối với các khoản viện trợ khác không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tham gia ý kiến khi có yêu cầu của người đứng đầu cơ quan chủ quản.

Điều 6. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung khoản viện trợ trong quá trình thực hiện

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Trường hợp các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản viện trợ trở thành một trong các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh tiến hành thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Tổ chức quản lý chương trình, dự án

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định áp dụng hình thức tổ chức quản lý theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

2. Trên cơ sở quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

4. Sau khi kết thúc, chủ khoản viện trợ tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng dự án và gửi báo cáo kết thúc đến UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

Điều 8. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

2. Mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, chủ khoản viện trợ lập kế hoạch thu chi vốn viện trợ 03 năm và dự toán thu chi vốn viện trợ hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật liên quan gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính tổng hợp. Việc lập, tổng hợp, trình, phê duyệt, giao và điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn viện trợ thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền được chủ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

4. Trường hợp tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, chủ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

5. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ. Đối với các khoản viện trợ yêu cầu bố trí vốn đối ứng (từ nguồn ngân sách địa phương và các

nguồn vốn hợp pháp khác), bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể trong hồ sơ. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ có quy định cụ thể về bố trí vốn đối ứng hoặc có văn bản đồng ý bố trí vốn đối ứng cho khoản viện trợ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Chế độ báo cáo tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hằng năm (trước ngày 18 tháng 12); báo cáo kết thúc theo quy định và các báo cáo đột xuất liên quan khi có yêu cầu. Riêng Sở Ngoại vụ báo cáo các nội dung liên quan đến vận động viện trợ.

2. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ của tỉnh theo định kỳ hằng năm (trước ngày 20 tháng 12) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ; hướng dẫn xây dựng và tiếp nhận hồ sơ các chương trình, dự án đã được bên tài trợ chấp nhận.

b) Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền hoặc tham mưu các thủ tục để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Chủ trì và phối hợp Sở Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách tỉnh hằng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

d) Chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan khác tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh; tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

đ) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện các chế độ báo cáo kết thúc khoản viện trợ, báo cáo tổng hợp hàng năm về kết quả vận động viện trợ, tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ và các báo cáo đột xuất khác gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định khoản viện trợ và có ý kiến đối với cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ.

3. Sở Ngoại vụ

a) Hỗ trợ, hướng dẫn các quy trình, thủ tục có liên quan đến việc ký kết thỏa thuận viện trợ và các hoạt động trong khuôn khổ khoản viện trợ có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài, báo chí nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu; tham mưu UBND tỉnh hoặc giải quyết theo thẩm quyền các đề nghị có liên quan theo quy định hiện hành.

b) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định khoản viện trợ về các nội dung được lấy ý kiến.

4. Công an tỉnh

a) Tham mưu cho UBND tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

c) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các khoản viện trợ. Cung cấp các thông tin liên quan về tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan; những tác động đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khi thực hiện khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

đ) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Tham mưu cho UBND tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh trật tự biên giới trên lĩnh vực viện trợ tại địa bàn các xã biên giới; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh trật tự tại các xã biên giới.

b) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định khoản viện trợ và có ý kiến về hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội của chương trình, dự án sau khi kết thúc đối với các khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn các xã biên giới.

6. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

b) Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi tỉnh; tham gia thẩm định và góp ý kiến về các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

c) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định khoản viện trợ và có ý kiến đối với các nội dung về sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận (hoặc chủ khoản viện trợ) là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

7. Sở Xây dựng

a) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định khoản viện trợ và có ý kiến đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Hướng dẫn chủ khoản viện trợ (chủ dự án) thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh

a) Phối hợp Sở Ngoại vụ tỉnh trong công tác vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, tổng hợp thông tin, tư liệu về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài có chương trình, dự án hỗ trợ tại tỉnh.

b) Phối hợp, hướng dẫn các địa phương, cơ sở xây dựng các dự án kêu gọi giới thiệu các nguồn viện trợ khả thi cho các địa phương nắm thông tin, đề xuất nội dung kêu gọi viện trợ phù hợp.

c) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan.

9. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã thành phố

a) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định khoản viện trợ theo quy định.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng các quy định về quản lý viện trợ của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và Quy chế này.

c) Phối hợp với cơ quan liên quan, tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn triển khai

thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần thay đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Những nội dung không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành./ 

